

| Các thông số kỹ thuật chính**                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                     |                              |                                 |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------|---------------------------------|
| Tên sản xuất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Xe tải kem fotton                   | GVW (kg)                     | 2550                            |
| Trọng lượng định mức(Kilôgam)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 860                                 | Kích thước tổng thể (mm)     | 4730× 1780×2630                 |
| Curb Trọng lượng (kg)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1560                                | Kích thước tủ (mm)           | 2900* 1720* 1810                |
| Cách tiếp cận / góc khởi hành (°)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 39/20                               | F/R nhô ra (mm)              | 605/1055                        |
| Số lượng trục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2                                   | Cơ sở bánh xe (mm)           | 3070                            |
| Trục tải (kg)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 700/1850                            | Tốc độ tối đa (km/h)         | 115                             |
| Quá trình lây truyền                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5 bánh răng chuyển tiếp và 1Reverse | taxi                         | Hàng duy nhất, Bên trái vô lăng |
| Thông số kỹ thuật khung gầm □                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                     |                              |                                 |
| Mô hình khung gầm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | BJ1036V5JV5-D1                      | Số lượng lớp xe              | 4                               |
| Thương hiệu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Foton                               | Nhà sản xuất động cơ         | Công ty TNHH Fotton Motor       |
| F/r Căn cứ theo dõi (mm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1338/1375                           | Đặc điểm kỹ thuật lớp xe     | 175R14LT 8PR                    |
| Loại nhiên liệu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | GaSoline                            | Tiêu chuẩn phát thải         | Euro v                          |
| Mô hình động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | LJ469Q-1AE9                         | Khí thải (ml)/ Sức mạnh (kW) | 1249/64                         |
| Cấu hình chuẩn : Các ngăn bên trong và bên ngoài các ngăn được làm bằng vật liệu bằng thép cán lạnh và sàn làm bằng tấm rô nhôm chống thấm, không thấm nước và chống hao mòn;Phần trên của các ngăn được đóng lại và không thể mở, nhưng bên trái và bên phải và mặt sau có thể được mở rộng và có thanh bán hàng ở cả bên trái và bên phải.Các ngăn bên trong được cài đặt với đèn pha tự động LED hoặc hai cột nổi bật (3PC / cột), quạt xả hàng đầu, loa, công tắc chính, giao diện USB, tủ khóa không gian lớn;Bên ngoài các ngăn được cài đặt hai loa, pin 105A, giao diện nguồn điện bên ngoài 220V, 10m dây cung cấp điện bên ngoài, bàn đạp xe tải kính thiên văn;màu xe tải khác nhau và nhãn dán da là tùy chọn. |                                     |                              |                                 |
| Thiết bị tùy chọn: Máy uống;bể nước (bao gồm cả Bể nước sạch, bể nước thải, máy bơm nước);bồn rửa (bao gồm vòi nước và bồn rửa);Máy phát điện 10kW; máy kem;Topping LED màn hình làm việc vô nghĩa;Bàn thép không gỉ, ECT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                     |                              |                                 |

**Xe tải / xe tải thực phẩm di động fotton**

**1. Hình ảnh xuống như thiết bị hiển thị:**



Whatsapp & Telephone: +86-18607222773 Email: [brenda@clclwtruck.com](mailto:brenda@clclwtruck.com)











Whatsapp & Telephone: +86-18607222773 Email: [brenda@clclwtruck.com](mailto:brenda@clclwtruck.com)



Whatsapp & Telephone: +86-18607222773 Email: [brenda@clclwtruck.com](mailto:brenda@clclwtruck.com)





Whatsapp & Telephone: +86-18607222773 Email: [brenda@clclwtruck.com](mailto:brenda@clclwtruck.com)





Whatsapp & Telephone: +86-18607222773 Email: [brenda@clclwtruck.com](mailto:brenda@clclwtruck.com)